BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117

Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002		7,0	Bảy, không	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
8	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
9	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
10	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
11	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
12	2110110051	Nguyễn Hải	**Ngân**	09/11/2003		8,0	Tám, không	C23KT2	
13	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003		8,0	Tám, không	C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003		7,5	Bảy, năm	C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
16	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
17	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
18	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
19	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003		5,5	Năm, năm	C23KT1	
20	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
21	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995		7,0	Bảy, không	C23KT1	
22	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
23	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
24	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
25	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
26	2110110024	Vũ Minh	**Thư**	29/10/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
27	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999		7,0	Bảy, không	C23KT2	
28	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
29	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
30	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
31	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003		8,0	Tám, không	C23KT1	
32	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
33	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002		6,0	Sáu, không	C23KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 16:48 05/10/2022

Tổng số sinh viên dự thi : 33 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 33 / 33 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , %

Ngày. 15 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày. 9 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯ

KH

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117

Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003		8,0	Tám, không	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002		6,0	Sáu, không	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
8	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
9	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
10	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
11	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
12	2110110051	Nguyễn Hải	**Ngân**	09/11/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
13	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
16	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
17	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
18	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
19	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
20	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
21	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995		7,0	Bảy, không	C23KT1	
22	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003		6,0	Sáu, không	C23KT1	
23	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
24	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
25	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003		6,0	Sáu, không	C23KT2	
26	2110110024	Vũ Minh	**Thư**	29/10/2003		7,0	Bảy, không	C23KT1	
27	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999		6,0	Sáu, không	C23KT2	
28	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999		7,0	Bảy, không	C23KT1	
29	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
30	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
31	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003		6,5	Sáu, năm	C23KT1	
32	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003		7,0	Bảy, không	C23KT2	
33	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002		6,5	Sáu, năm	C23KT1	

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Ngày in: 16:49 05/10/2022

Tổng số sinh viên dự thi : 33 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 33 / 33 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / 0 **Tỷ lệ đạt:** 100 , ___ **%**

Ngày.....tháng.11..năm.2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày.11.tháng.11.năm.2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

Ngày in: 16:49 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117

Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:**_____

Giám thị 1:_____ Ký tên:_____

Giám thị 2:_____ Ký tên:_____

Giám thị 3:_____ Ký tên:_____

Giám thị 4:_____ Ký tên:_____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường	**An**	03/07/2002		0,0	Không, không	C23TC2	
2	2110120029	Trần Thế	**Anh**	25/05/2003		8,0	Tám, không	C23TC2	
3	2110120019	Lê Thị Phước	**Bình**	29/04/2003	Bình	8,0	Tám, không	C23TC1	
4	2110120030	Lê Thị Thùy	**Dương**	23/04/2003	Dương	5,0	Năm, không	C23TC2	
5	2110120027	Hồ Thị Thu	**Đào**	25/06/2000		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
6	2110120018	Nguyễn Thị Thu	**Đạt**	19/05/1997		8,0	Tám, không	C23TC1	
7	2110120008	Phạm Hải	**Đăng**	16/05/2003		7,0	Bảy, không	C23TC1	
8	2110120047	Nguyễn Trần Châu	**Giang**	18/12/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
9	2110120046	Trần Thị Huỳnh	**Hạ**	07/07/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
10	2110120026	Hà Bảo	**Hân**	08/09/2003	Hân	6,5	Sáu, năm	C23TC2	
11	2110120009	Lê Ngọc	**Hân**	04/10/2003	Hân	6,0	Sáu, không	C23TC1	
12	2110120035	Võ Thị Mỹ	**Huyền**	12/02/2003	Huyền	8,0	Tám, không	C23TC2	
13	2110120002	Nguyễn Quốc	**Khang**	07/01/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
14	2110120022	Nguyễn Quốc	**Khánh**	26/06/2003		7,0	Bảy, không	C23TC1	
15	2110120013	Nguyễn Phước	**Lập**	13/04/2002		8,0	Tám, không	C23TC1	
16	2110120041	Trần Thị Bích	**Liễu**	06/05/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
17	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	07/05/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
18	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	18/11/2003		5,5	Năm, năm	C23TC2	
19	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	**Mai**	04/08/2003	Mai	7,0	Bảy, không	C23TC2	
20	2110120012	Quan Thị Tuyết	**Minh**	15/06/2003	Minh	8,0	Tám, không	C23TC1	
21	2110120034	Trần Thuỵ Ái	**My**	16/06/2003	My	6,5	Sáu, năm	C23TC2	
22	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	**Nhi**	12/05/2003		7,0	Bảy, không	C23TC1	
23	2110120001	Nguyễn Tấn	**Phong**	05/08/2003		7,0	Bảy, không	C23TC1	
24	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	**Tài**	04/11/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
25	2110120024	Đoàn Ngọc	**Thanh**	19/07/2003	Thanh	8,0	Tám, không	C23TC1	
26	2110120038	Võ Duy	**Thịnh**	06/05/2003		5,5	Năm, năm	C23TC2	
27	2110120021	Võ Thị Anh	**Thơ**	16/08/2003	Anhthe	8,0	Tám, không	C23TC1	
28	2110120039	Nguyễn Anh	**Thư**	23/04/2003	Thư	7,0	Bảy, không	C23TC2	
29	2110120017	Ngô Hiếu	**Toàn**	06/11/2003	Toàn	7,0	Bảy, không	C23TC1	
30	2110120036	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	12/04/2003	Trang	6,0	Sáu, không	C23TC2	
31	2110120005	Nguyễn Thị Phương	**Trinh**	01/09/2003	Trinh	5,5	Năm, năm	C23TC1	
32	2110120003	Võ Thị Ngọc	**Trinh**	20/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
33	2110120020	Trần Phan Kim	**Tuyến**	19/04/2003	Tuyến	9,0	Chín, không	C23TC1	
34	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	15/06/2003	Uyen	7,5	Bảy, năm	C23TC1	

Ngày in: 16:56 05/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 34 / 34 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 33 / 1 **Tỷ lệ đạt:** 97,06 **%**

Ngày 15 *tháng* 11 *năm* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 9 *tháng* 11 *năm* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thái Duy

TRƯỜ

KHẢO

Ngày in: 16:56 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM

TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117

Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ **Giờ thi:** _____ **Phòng thi:** _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120048	Nguyễn Trường	An	03/07/2002		5,0	Năm, không	C23TC2	
2	2110120029	Trần Thế	Anh	25/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
3	2110120019	Lê Thị Phước	Bình	29/04/2003	Bình	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
4	2110120030	Lê Thị Thùy	Dương	23/04/2003	Dương	6,0	Sáu, không	C23TC2	
5	2110120027	Hồ Thị Thu	Đào	25/06/2000	Thudao	6,5	Sáu, năm	C23TC2	
6	2110120018	Nguyễn Thị Thu	Đạt	19/05/1997		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
7	2110120008	Phạm Hải	Đăng	16/05/2003		7,5	Bảy, năm	C23TC1	
8	2110120047	Nguyễn Trần Châu	Giang	18/12/2003		7,0	Bảy, không	C23TC2	
9	2110120046	Trần Thị Huỳnh	Hạ	07/07/2003		7,5	Bảy, năm	C23TC2	
10	2110120026	Hà Bảo	Hân	08/09/2003	Hân	6,0	Sáu, không	C23TC2	
11	2110120009	Lê Ngọc	Hân	04/10/2003	Hân	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
12	2110120035	Võ Thị Mỹ	Huyền	12/02/2003	Huyền	6,5	Sáu, năm	C23TC2	
13	2110120002	Nguyễn Quốc	Khang	07/01/2003		6,0	Sáu, không	C23TC1	
14	2110120022	Nguyễn Quốc	Khánh	26/06/2003		6,0	Sáu, không	C23TC1	
15	2110120013	Nguyễn Phước	Lập	13/04/2002		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
16	2110120041	Trần Thị Bích	Liễu	06/05/2003		7,5	Bảy, năm	C23TC2	
17	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	07/05/2003		7,5	Bảy, năm	C23TC2	
18	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	Linh	18/11/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
19	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	Mai	04/08/2003	Mai	7,0	Bảy, không	C23TC2	
20	2110120012	Quan Thị Tuyết	Minh	15/06/2003	Minh	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
21	2110120034	Trần Thuỵ Ái	My	16/06/2003	My	6,0	Sáu, không	C23TC2	
22	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	Nhi	12/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
23	2110120001	Nguyễn Tấn	Phong	05/08/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
24	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	Tài	04/11/2003		6,0	Sáu, không	C23TC2	
25	2110120024	Đoàn Ngọc	Thanh	19/07/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	
26	2110120038	Võ Duy	Thịnh	06/05/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
27	2110120021	Võ Thị Anh	Thơ	16/08/2003	Anhtho	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
28	2110120039	Nguyễn Anh	Thư	23/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
29	2110120017	Ngô Hiếu	Toàn	06/11/2003	Toàn	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
30	2110120036	Nguyễn Thị Thu	Trang	12/04/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC2	
31	2110120005	Nguyễn Thị Phương	Trinh	01/09/2003	Trinh	6,5	Sáu, năm	C23TC1	
32	2110120003	Võ Thị Ngọc	Trinh	20/07/2003		6,0	Sáu, không	C23TC1	
33	2110120020	Trần Phan Kim	Tuyến	19/04/2003	Tuyến	9,0	Chín, không	C23TC1	
34	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	Uyên	15/06/2003		6,5	Sáu, năm	C23TC1	

Ngày in: 16:57 05/10/2022

Lưu ý: *Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*

Tổng số sinh viên dự thi : 34 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi:** 34 / 34 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 34 / 0 **Tỷ lệ đạt:** ,%

Ngày. 15 *tháng.* 11 *năm.* 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày. 11 *tháng.* 11 *năm.* 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trần Dũng

TRƯỜNG ... KHẢO

Ngày in: 16:57 05/10/2022

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117
Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng
Ngày thi: 25/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 2**

Giám thị 1: P. V. Dũng Ký tên:
Giám thị 2: Mai Văn Thắt Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm	**Anh**	24/07/2003					C23KT2	
2	2110120029	Trần Thế	**Anh**	25/05/2003					C23TC2	
3	2110120019	Lê Thị Phước	**Bình**	29/04/2003	Bình				C23TC1	
4	2110110039	Bùi Đặng Mỹ	**Duyên**	09/05/2003	Duyen				C23KT2	
5	2110120027	Hồ Thị Thu	**Đào**	25/06/2000	Đào				C23TC2	
6	2110120018	Nguyễn Thị Thu	**Đạt**	19/05/1997					C23TC1	
7	2110120008	Phạm Hải	**Đăng**	16/05/2003					C23TC1	
8	2110110048	Hà Thị Trúc	**Giang**	08/07/2003					C23KT2	
9	2110120047	Nguyễn Trần Châu	**Giang**	18/12/2003					C23TC2	
10	2110110038	Nguyễn Ngọc	**Hà**	24/09/2003	Hà				C23KT2	
11	2110120046	Trần Thị Huỳnh	**Hạ**	07/07/2003					C23TC2	
12	2110110036	Lê Hồng	**Hạnh**	21/04/2002					C23KT2	
13	2110120026	Hà Bảo	**Hân**	08/09/2003					C23TC2	
14	2110120009	Lê Ngọc	**Hân**	04/10/2003					C23TC1	
15	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc	**Hân**	01/12/2003					C23KT1	
16	2110120035	Võ Thị Mỹ	**Huyền**	12/02/2003					C23TC2	
17	2110110033	Đỗ Thị Thanh	**Hương**	13/12/2003					C23KT1	
18	2110120002	Nguyễn Quốc	**Khang**	07/01/2003					C23TC1	
19	2110120022	Nguyễn Quốc	**Khánh**	26/06/2003					C23TC1	
20	2110120013	Nguyễn Phước	**Lập**	13/04/2002					C23TC1	
21	2110120041	Trần Thị Bích	**Liễu**	06/05/2003					C23TC2	
22	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc	**Linh**	07/05/2003					C23TC2	
23	2110120032	Nguyễn Thị Trúc	**Linh**	18/11/2003					C23TC2	
24	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh	**Mai**	04/08/2003	Mai				C23TC2	
25	2110110006	Nguyễn Thị Kiều	**Mi**	12/07/2003	Mi				C23KT1	
26	2110110020	Nguyễn Thị Trà	**Mi**	12/06/2003					C23KT1	
27	2110120012	Quan Thị Tuyết	**Minh**	15/06/2003	Minh				C23TC1	
28	2110110018	Phan Ngọc	**Muội**	17/05/2003					C23KT1	
29	2110120034	Trần Thuỵ Ái	**My**	16/06/2003					C23TC2	
30	2110110010	Dương Thị Thu	**Ngân**	07/08/2003	Ngân				C23KT1	
31	2110110051	Nguyễn Hải	**Ngân**	09/11/2003					C23KT2	
32	2110110050	Dương Thị Bé	**Ngọc**	22/09/2003					C23KT2	
33	2110110044	Nguyễn Hoàng	**Nhân**	06/02/2003	Nhân				C23KT2	
34	2110110034	Đặng Lê Uyên	**Nhi**	20/09/2003					C23KT1	
35	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh	**Nhi**	06/10/2003					C23KT1	

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
36	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương	**Nhi**	12/05/2003					C23TC1	
37	2110110054	Nguyễn Yến	**Nhi**	18/10/2003					C23KT2	
38	2110110014	Lê Thị Tuyết	**Nhung**	28/10/2003					C23KT1	
39	2110110027	Ngô Thị Hồng	**Nhung**	16/04/2003					C23KT1	
40	2110120001	Nguyễn Tấn	**Phong**	05/08/2003					C23TC1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 40-1 **vắng thi:** 01 **. Số bài thi/Số tờ:** 39 / _____.

Số sinh viên đạt:_____ **Tỷ lệ đạt:**_____**%**

Ngày 25 *tháng* 11 *năm* 2022
TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN
(ký & ghi rõ họ tên)

TRƯỜNG CĐ
P
KHẢO TH

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 28 *tháng* 11 *năm* 2022
GIÁO VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tài chính doanh nghiệp
Mã bài thi: FF85QB
Thời gian thi: 25/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 25/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: P.V Dung Ký tên:
Giám thị 2: M.V.Thắ Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120019	Lê Thị Phước Bình	29/04/2003		6	Sáu	C23TC1	
2	2110120034	Trần Thụy Ái My	16/06/2003		4.6	Bốn, sáu	C23TC2	
3	2110120008	Phạm Hải Đăng	16/05/2003		6.2	Sáu, hai	C23TC1	
4	2110120027	Hồ Thị Thu Đào	25/06/2000		5.6	Năm, sáu	C23TC2	
5	2110120047	Nguyễn Trần Châu Giang	18/12/2003		5.2	Năm, hai	C23TC2	
6	2110120046	Trần Thị Huỳnh Hạ	07/07/2003		5.4	Năm, bốn	C23TC2	
7	2110120026	Hà Bảo Hân	08/09/2003		4.2	Bốn, hai	C23TC2	
8	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003		5	Năm	C23KT1	
9	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003		3.8	Ba, tám	C23KT1	
10	2110120022	Nguyễn Quốc Khánh	26/06/2003		4.8	Bốn, tám	C23TC1	
11	2110120041	Trần Thị Bích Liễu	06/05/2003		4.6	Bốn, sáu	C23TC2	
12	2110120032	Nguyễn Thị Trúc Linh	18/11/2003		2.6	Hai, sáu	C23TC2	
13	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003		5	Năm	C23KT1	
14	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		5.4	Năm, bốn	C23KT2	
15	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		5.2	Năm, hai	C23KT2	
16	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		5.4	Năm, bốn	C23KT2	
17	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003		5.4	Năm, bốn	C23KT1	
18	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003		5.4	Năm, bốn	C23KT1	
19	2110120012	Quan Thi Tuyet Minh	15/06/2003		4.8	Bốn, tám	C23TC1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 19 **Số sinh viên đạt: 17**

Ngày 25 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tài chính doanh nghiệp
Mã bài thi: 4LGY4L
Thời gian thi: 25/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 25/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: P.V Duy Ký tên:
Giám thị 2: M.V Thảo Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120029	Trần Thế Anh	25/05/2003		5	Năm	C23TC1	
2	2110120018	Nguyễn Thị Thu Đạt	19/05/1997		6.8	Sáu, tám	C23TC1	
3	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003		4.8	Bốn, tám	C23KT2	
4	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		4.6	Bốn, sáu	C23KT2	
5	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		4.2	Bốn, hai	C23KT2	
6	2110120009	Lê Ngọc Hân	01/10/2003		5.8	Năm, tám	C23TC1	
7	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		4.2	Bốn, hai	C23KT2	
8	2110120035	Võ Thị Mỹ Huyền	12/02/2003		5	Năm	C23TC2	
9	2110120002	Nguyễn Quốc Khang	07/01/2003		3.8	Ba, tám	C23TC1	
10	2110120013	Nguyễn Phước Lập	13/04/2002		5.6	Năm, sáu	C23TC1	
11	2110120040	Nguyễn Thị Ngọc Linh	07/05/2003		3.4	Ba, bốn	C23TC2	
12	2110120042	Phạm Huỳnh Khánh Mai	04/08/2003		2.6	Hai, sáu	C23TC2	
13	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003		3.6	Ba, sáu	C23KT1	
14	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003		4.4	Bốn, bốn	C23KT1	
15	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003		3.6	Ba, sáu	C23KT1	
16	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		5.8	Năm, tám	C23KT2	
17	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003		4.8	Bốn, tám	C23KT1	
18	2110120014	Nguyễn Ngọc Phương Nhi	12/05/2003		6	Sáu	C23TC1	
19	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003		5.4	Năm, bốn	C23KT1	
20	2110120001	Nguyễn Tấn Phong	05/08/2003		5	Năm	C23TC1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 20 **Số sinh viên đạt: 15**

Ngày 25 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX & CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ & QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

TRƯỜNG CĐ BC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tài chính doanh nghiệp - MH1104117
Mã lớp học phần: MH110411701 **Số tín chỉ: 3**
Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng
Ngày thi: 25/11/2022 **Giờ thi: 09h30** **Phòng thi: PM 1**

Giám thị 1: N T N Hà Ký tên:
Giám thị 2: Trần Văn Long Ký tên:
Giám thị 3: Ký tên:
Giám thị 4: Ký tên:

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120030	Lê Thị Thùy	**Dương**	23/04/2003					C23TC2	
2	2110110011	Huỳnh Thị Hồng	**Phúc**	18/11/2003					C23KT1	
3	2110110001	Nguyễn Bích Minh	**Phương**	03/02/1995					C23KT1	
4	2110110008	Nguyễn Kim	**Quyên**	30/05/2003					C23KT1	
5	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh	**Tài**	04/11/2003					C23TC2	
6	2110120024	Đoàn Ngọc	**Thanh**	19/07/2003					C23TC1	
7	2110110042	Phạm Tâm	**Thiên**	08/08/2003					C23KT2	
8	2110120038	Võ Duy	**Thịnh**	06/05/2003					C23TC2	
9	2110110005	Trần Thị Hoàng	**Thơ**	03/08/2003					C23KT1	
10	2110120021	Võ Thị Anh	**Thơ**	16/08/2003					C23TC1	
11	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc	**Thủy**	15/06/2003					C23KT2	
12	2110120039	Nguyễn Anh	**Thư**	23/04/2003					C23TC2	
13	2110110024	Vũ Minh	**Thư**	29/10/2003					C23KT1	
14	2110110055	Lê Quang	**Tiến**	07/01/1999					C23KT2	
15	2110120017	Ngô Hiếu	**Toàn**	06/11/2003					C23TC1	
16	2110120036	Nguyễn Thị Thu	**Trang**	12/04/2003					C23TC2	
17	2110110002	Võ Thị Thu	**Trang**	27/06/1999					C23KT1	
18	2110120005	Nguyễn Thị Phương	**Trinh**	01/09/2003					C23TC1	
19	2110120003	Võ Thị Ngọc	**Trinh**	20/07/2003					C23TC1	
20	2110120020	Trần Phan Kim	**Tuyến**	19/04/2003					C23TC1	
21	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ	**Uyên**	15/06/2003					C23TC1	
22	2110110037	Bùi Thị Khánh	**Vy**	26/07/2003					C23KT2	
23	2110110022	Đoàn Phạm Thanh	**Vy**	27/02/2003					C23KT1	
24	2110110025	Nguyễn Lê Khánh	**Vy**	15/09/2003					C23KT1	
25	2110110047	Nguyễn Tường	**Vy**	13/12/2003					C23KT2	
26	2110110023	Mai Thị Hương	**Yến**	16/09/2002					C23KT1	

Lưu ý: *- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.*
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 **vắng thi:** 0 **. Số bài thi/Số tờ:** 26 / 26 .

Số sinh viên đạt: **Tỷ lệ đạt:** %

Ngày 25 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trần Duy

TRƯỜNG C
KHẢO T

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tài chính doanh nghiệp
Mã bài thi: F0VV2P
Thời gian thi: 25/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 25/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: NTN Hoa Ký tên:
Giám thị 2: G V Long Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110120030	Lê Thị Thùy Dương	23/04/2003	Dương	5.2	Năm, hai	C23TC2	
2	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995		3.6	Ba, sáu	C23KT1	
3	2110120024	Đoàn Ngọc Thanh	19/07/2003		6.4	Sáu, bốn	C23TC1	
4	2110110042	Phạm Tâm Thiên	08/08/2003		4.2	Bốn, hai	C23KT2	
5	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003		6.2	Sáu, hai	C23KT1	
6	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003	Thư	4.2	Bốn, hai	C23KT1	
7	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		4.8	Bốn, tám	C23KT2	
8	2110120017	Ngô Hiếu Toàn	06/11/2003	Toàn	5.8	Năm, tám	C23TC1	
9	2110120036	Nguyễn Thị Thu Trang	12/04/2003	Trang	5.2	Năm, hai	C23TC2	
10	2110120003	Võ Thị Ngọc Trinh	20/07/2003		4.4	Bốn, bốn	C23TC1	
11	2110120005	Nguyễn Thị Phương Trinh	01/09/2003	Trinh	4	Bốn	C23TC1	
12	2110120007	Nguyễn Thị Mỹ Uyên	15/06/2003	Uyên	3.2	Ba, hai	C23TC1	
13	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003		3.4	Ba, bốn	C23KT1	
14	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		5	Năm	C23KT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 14 **Số sinh viên đạt: 11**

Ngày 25 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 25 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Trần Duy

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 1 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tài chính doanh nghiệp
Mã bài thi: 4EMAH8
Thời gian thi: 25/11/2022 09:30:00
Thời gian kết thúc: 25/11/2022 10:30:00

Giám thị 1: NT N Hr Ký tên:
Giám thị 2: T V Long Ký tên:
Giám thị 3: _____ Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003		3.6	Ba, sáu	C23KT1	
2	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003		3.4	Ba, bốn	C23KT1	
3	2110120045	Nguyễn Phạm Thanh Tài	04/11/2003		5.4	Năm, bốn	C23TC2	
4	2110120038	Võ Duy Thịnh	06/05/2003		8.2	Tám, hai	C23TC2	
5	2110120021	Võ Thị Anh Thơ	16/08/2003		5.6	Năm, sáu	C23TC1	
6	2110120039	Nguyễn Anh Thư	23/04/2003		4.6	Bốn, sáu	C23TC2	
7	2110110055	Lê Quang Tiến	07/10/1999		5	Năm	C23KT2	
8	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999		4.4	Bốn, bốn	C23KT1	
9	2110120020	Trần Phan Kim Tuyến	19/04/2003		5.6	Năm, sáu	C23TC1	
10	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		3.8	Ba, tám	C23KT2	
11	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003		3.8	Ba, tám	C23KT1	
12	2110110023	Mai Thị Hương Yến	16/09/2002		3.4	Ba, bốn	C23KT1	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 12 **Số sinh viên đạt: 7**

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

ThS. Hồ Thiên Thông Minh

Ngày 28 tháng 11 năm 2022
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thanh Dũ